

Số: 823 /UBND-KTN

Bình Phước, ngày 23 tháng 3 năm 2012

Về việc hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Công ty trực thuộc tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 205/2005/NĐ-CP ngày 14/12/2005 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong các công ty Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung;

Căn cứ Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động trong các công ty Nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 131/SXD-KT&QLXD ngày 08/3/2012;

UBND tỉnh ban hành hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình (phần nhân công và máy thi công) theo mức lương tối thiểu mới từ ngày 01/10/2011 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **A. Quy định chung**

1. Văn bản này hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình từ ngày 01/10/2011 theo mức lương tối thiểu vùng (nơi xây dựng công trình) quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ đối với các công

trình, gói thầu (sau đây gọi chung là dự toán xây dựng công trình) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên, bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là vốn ODA), vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của nhà nước.

Đối với dự án sử dụng vốn ODA, nếu điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định khác với hướng dẫn này thì thực hiện theo các quy định tại điều ước Quốc tế đó.

Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng phương pháp điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo hướng dẫn này.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thì việc điều chỉnh dự toán do Chủ đầu tư quyết định nhưng không được vượt tổng mức đầu tư phê duyệt.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định trước ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình có hiệu lực thi hành, Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh dự toán xây dựng trên cơ sở điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công (phần nhân công) theo mức lương tối thiểu mới đối với các khối lượng còn lại của công trình, gói thầu thực hiện từ ngày 01/10/2011. Nếu dự toán công trình điều chỉnh làm vượt tổng mức đầu tư thì Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

4. Các công trình được lập theo đơn giá riêng hoặc bảng giá ca máy công trình với mức tiền lương tối thiểu đã được người có thẩm quyền ban hành, căn cứ nguyên tắc, phương pháp của hướng dẫn này để thực hiện điều chỉnh theo mức lương tối thiểu vùng mới.

5. Không điều chỉnh dự toán đối với các gói thầu mà hợp đồng ký kết giữa các bên là hình thức hợp đồng trọn gói.

6. Việc điều chỉnh giá hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện hoàn thành từ ngày 01/10/2011 thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên và quy định của nhà nước có liên quan.

## **B. Quy định cụ thể**

### **I. Đối với các bộ đơn giá được ban hành từ năm 2006**

Dự toán xây dựng công trình được lập theo các bộ đơn giá xây dựng công trình của tỉnh Bình Phước (Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần lắp đặt ban hành kèm theo Quyết định số 99/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006; Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006; Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 101/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước) đã tính với mức lương tối thiểu là 350.000 đồng/tháng, cấp bậc tiền lương theo bảng lương

A.1.8 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, được điều chỉnh như sau:

### **1. Điều chỉnh chi phí nhân công**

1.1. Chi phí nhân công trong dự toán chi phí xây dựng lập theo các bộ đơn giá của tỉnh Bình Phước Phần lắp đặt ban hành kèm theo Quyết định số 99/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006; Phần xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 101/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước được nhân với hệ số điều chỉnh tương ứng ( $K_{NC}^{DC}$ ) tham khảo tại Phụ lục 1 kèm theo hướng dẫn này.

Hệ số điều chỉnh ( $K_{NC}^{DC}$ ) xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền, cách xác định chi phí ngày công theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong các công ty Nhà nước.

1.2. Đối với các loại công tác xây lắp của các công trình thuộc nhóm khác của bảng lương A.1.8 thì sau khi đã điều chỉnh theo hệ số nhóm I được nhân với hệ số điều chỉnh tiếp như sau:

- Thuộc nhóm II: Bằng 1,062 so với tiền lương trong đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (quy định tại Phụ lục số 2).

- Thuộc nhóm III: Bằng 1,171 so với tiền lương trong đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (quy định tại Phụ lục số 2).

1.3. Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước - Phần lắp đặt được tính cho loại công tác xây lắp nhóm II (quy định tại Phụ lục số 2).

1.4. Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước - Phần khảo sát xây dựng được tính cho loại công tác xây lắp nhóm II (quy định tại Phụ lục số 2).

### **2. Điều chỉnh chi phí máy thi công (phần nhân công)**

2.1. Chi phí máy thi công trong dự toán chi phí xây dựng lập theo các bộ đơn giá của tỉnh Bình Phước đã tính theo mức lương tối thiểu 350.000 đồng/tháng, được nhân với hệ số điều chỉnh ( $K_{MTC}^{DC}$ ) tham khảo tại Phụ lục 1 kèm theo hướng dẫn này.

Hệ số điều chỉnh máy thi công ( $K_{MTC}^{DC}$ ) xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền của chi phí theo nhóm máy.

2.2. Không điều chỉnh chi phí máy thi công trong dự toán khảo sát xây dựng lập theo đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước - Phần khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước.

### **3. Điều chỉnh dự toán khảo sát xây dựng**

Dự toán chi phí khảo sát xây dựng lập theo bộ đơn giá của tỉnh Bình Phước - Phần khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND

ngày 05/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước, thì chi phí nhân công được nhân với hệ số điều chỉnh ( $K_{NC}^{DC}$ ) tham khảo tại Phụ lục số 1 kèm theo hướng dẫn này.

## **II. Đối với các bộ đơn giá được công bố năm 2011**

Dự toán xây dựng công trình được lập theo các bộ đơn giá xây dựng công trình của tỉnh Bình Phước (Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần xây dựng công bố kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011; Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần công trình bưu chính, viễn thông công bố kèm theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 30/3/2011; Đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Bình Phước công bố kèm theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước) đơn giá nhân công trong đơn giá được tính với mức lương tối thiểu vùng III là 1.050.000 đồng/tháng theo Nghị định số 108/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010 của Chính Phủ, cấp bậc tiền lương theo bảng lương A.1, bảng lương B.2, bảng lương B.5 và bảng lương B.12 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ được điều chỉnh như sau:

### **1. Điều chỉnh chi phí nhân công**

1.1. Chi phí nhân công trong dự toán chi phí xây dựng lập theo các bộ đơn giá của tỉnh Bình Phước Phần xây dựng công bố kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011; Phần dịch vụ công ích đô thị công bố kèm theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 01/4/2011; Phần xây dựng cơ bản công trình bưu chính viễn thông công bố kèm theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước được nhân với hệ số điều chỉnh tương ứng ( $K_{NC}^{DC}$ ) tham khảo tại Phụ lục 1 kèm theo hướng dẫn này.

Hệ số điều chỉnh ( $K_{NC}^{DC}$ ) được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền, cách xác định chi phí ngày công theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong các công ty Nhà nước.

1.2. Đối với các loại công tác xây lắp của các công trình thuộc nhóm khác của bảng lương A.1 thì sau khi đã điều chỉnh theo hệ số nhóm I được nhân với hệ số điều chỉnh tiếp như sau:

- Thuộc nhóm II: Bằng 1,062 so với tiền lương trong đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo).

- Thuộc nhóm III: Bằng 1,171 so với tiền lương trong đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo).

1.3. Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước - Phần lắp đặt được tính cho loại công tác xây lắp nhóm II (quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo).

1.4. Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước - Phần khảo sát xây dựng được tính cho loại công tác xây lắp nhóm II (quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo).

## **2. Điều chỉnh chi phí máy thi công (Phần nhân công)**

Với mức lương tối thiểu chung theo Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ và Mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ, được nhân với hệ số điều chỉnh  $K^{DC}_{MTC}$  (tham khảo tại Phụ lục 1 kèm theo).

Hệ số điều chỉnh máy thi công  $K^{DC}_{MTC}$  được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền của chi phí theo nhóm máy.

Đối với các công trình thi công theo tuyến qua nhiều tỉnh, thành phố đã xây dựng bảng giá ca máy riêng thì Chủ đầu tư tính toán hệ số điều chỉnh, báo cáo người quyết định đầu tư quyết định.

## **III. Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng**

Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng bao gồm: Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được tính theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

### **C. Tổ chức thực hiện**

1. Những công trình, hạng mục công trình đang thi công dở dang theo hình thức chỉ định thầu, đấu thầu (trừ trường hợp hình thức của hợp đồng là hợp đồng trọn gói), sau khi xác định khối lượng trước và sau ngày 01 tháng 10 năm 2011 để lập dự toán điều chỉnh, khối lượng thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 được điều chỉnh dự toán xây dựng công trình như sau:

1.1. Trường hợp dự toán điều chỉnh không làm vượt dự toán đã được phê duyệt: Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh.

1.2. Trường hợp dự toán điều chỉnh làm vượt dự toán đã được phê duyệt và giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu của dự án được phê duyệt (nhưng không vượt tổng mức đầu tư) thì Chủ đầu tư tổ chức thực hiện điều chỉnh dự toán và gửi kết quả báo cáo đến người quyết định đầu tư.

2. Đối với công trình đã được nghiệm thu và đang trong giai đoạn trình duyệt quyết toán nhưng chưa có quyết định phê duyệt quyết toán hoặc công trình đã được phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán, tất toán có khối lượng thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2011, nếu hai bên chưa thực hiện việc thanh toán, quyết toán thì việc tổ chức thực hiện tương tự Khoản 1, phần này. Trường hợp Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng đã quyết toán xong thì không thực hiện điều chỉnh.

### **3. Trường hợp đơn giá trúng thầu là đơn giá tổng hợp:**

3.1. Nếu nhà thầu có đơn giá chi tiết (vật liệu, nhân công, máy thi công) kèm đơn giá tổng hợp: Chủ đầu tư tự điều chỉnh dự toán.

3.2. Nếu nhà thầu không có đơn giá chi tiết đính kèm đơn giá tổng hợp: Chủ đầu tư áp dụng phương pháp sau để làm cơ sở tính điều chỉnh:

a) Căn cứ nhân công, máy thi công trong dự toán được duyệt (bảng khối lượng) để xác định chi phí nhân công (b1), máy thi công (c1) cho phần khối lượng thực hiện từ ngày 01/10/2011.

b) Lấy phần chi phí nhân công (b1), máy thi công (c1) tính ở điểm a, nhân với hệ số chênh lệch giữa hệ số điều chỉnh theo mức lương mới với hệ số điều chỉnh trong dự toán được duyệt và tỷ lệ giảm thầu (nếu có) để tính giá trị dự toán điều chỉnh bổ sung.

4. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình của mình.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị liên hệ Sở Xây dựng để được hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc kiến nghị UBND tỉnh giải quyết nếu vượt quá thẩm quyền.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT;
- Như trên;
- LĐVP; P: KTN, KTTH;
- Lưu: VT. 10K



# PHỤ LỤC 1

## Các hệ số điều chỉnh nhân công, máy thi công

(Kèm theo Công văn số 223/UBND-KTN ngày 23/3/2012 của UBND tỉnh Bình Phước)

Loại đơn giá	Ký hiệu	Hệ số điều chỉnh		
		Vùng II	Vùng III	Vùng IV
1. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 101/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước, với mức lương 350.000 đồng/tháng	K <sup>ĐC</sup> <sub>NC</sub>	4,927	4,308	3,905
	K <sup>ĐC</sup> <sub>MTC</sub>	1,232	1,195	1,171
2. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước phần lắp đặt được ban hành kèm theo Quyết định số 99/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006 của UBND tỉnh Bình Phước với mức lương 350.000 đồng/tháng	K <sup>ĐC</sup> <sub>NC</sub>	4,927	4,308	3,905
	K <sup>ĐC</sup> <sub>MTC</sub>	1,232	1,195	1,171
3. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND ngày 05/10/2006, với mức lương 350.000 đồng/tháng	K <sup>ĐC</sup> <sub>NC</sub>	4,927	4,308	3,905
	K <sup>ĐC</sup> <sub>MTC</sub>	1	1	1
4. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần xây dựng công bố kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, với mức lương 1.050.000 đồng/tháng. Tập 1 - Đơn giá xây dựng công trình - phần xây dựng; Tập 2 - Đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt; Tập 4 - Đơn giá xây dựng công trình - Phần sửa chữa	K <sup>ĐC</sup> <sub>NC</sub>	1,67	1,461	1,325
	K <sup>ĐC</sup> <sub>MTC</sub>	1,067	1,046	1,0325
5. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần xây dựng công bố kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, với mức lương 1.050.000 đồng/tháng. Tập 3 - Đơn giá xây dựng công trình - Phần khảo sát; Tập 5 - Đơn giá xây dựng công trình - Phần thí nghiệm vật liệu và kết cấu xây dựng	K <sup>ĐC</sup> <sub>NC</sub>	1,67	1,461	1,325
6. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bình Phước Phần công trình bưu chính, viễn thông công bố kèm theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, với mức lương 1.050.000 đồng/tháng	K <sup>ĐC</sup> <sub>NC</sub>	1,67	1,461	1,325
	K <sup>ĐC</sup> <sub>MTC</sub>	1,155	1,107	1,075
7. Đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Bình Phước công bố kèm theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, với mức lương 1.050.000 đồng/tháng	K <sup>ĐC</sup> <sub>NC</sub>	1,67	1,461	1,325
	K <sup>ĐC</sup> <sub>MTC</sub>	1,093	1,064	1,045

Ghi chú:

- Địa bàn: Huyện Chơn Thành thuộc vùng II với mức lương tối thiểu vùng là 1.780.000 đồng/tháng.
- Các địa bàn: Thị xã Đồng Xoài, Thị xã Bình Long, Thị xã Phước Long, huyện Đồng Phú, huyện Hớn Quản thuộc vùng III với mức lương tối thiểu vùng là 1.550.000 đồng/tháng.
- Các địa bàn: Huyện Bù Đăng, huyện Bù Đốp, huyện Bù Gia Mập, huyện Lộc Ninh thuộc vùng IV với mức lương tối thiểu vùng là 1.400.000 đồng/tháng.

## PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 823/UBND-KTN ngày 23 / 3 /2012 của UBND tỉnh Bình Phước)

### 1. Nhóm I: Bao gồm:

- Mộc, nề, sắt.
- Lắp ghép cấu kiện, thí nghiệm hiện trường.
- Sơn vôi và cát, lắp kính.
- Bê tông.
- Duy tu bảo dưỡng đường băng, sân bay.
- Sửa chữa cơ khí tại hiện trường.
- Công việc thủ công khác.

### 2. Nhóm II: Bao gồm:

- Vận hành các loại máy xây dựng.
- Khảo sát, đo đạc xây dựng.
- Lắp đặt máy móc thiết bị, đường ống.
- Bảo dưỡng máy thi công.
- Xây dựng đường giao thông.
- Lắp dựng tuốc bin có công suất < 25MW.
- Gác chắn đường ngang, gác chắn cầu chung thuộc ngành đường sắt.
- Quản lý, sửa chữa thường xuyên đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.
- Tuàn đường, tuàn cầu, tuàn ham đường sắt, đường bộ.
- Kép phà, lắp cầu phao thủ công.

### 3. Nhóm III: Bao gồm:

- Xây lắp đường dây điện, điện chiếu sáng.
- Xây lắp thiết bị trạm biến áp.
- Xây lắp cầu.
- Xây lắp công trình thủy.
- Xây dựng đường băng sân bay.
- Công nhân địa, vật lý.
- Lắp dựng tuốc bin có công suất  $\geq$  25MW
- Xây dựng công trình ngầm.
- Xây dựng công trình ngoài biển.
- Xây dựng công trình thủy điện, công trình đầu nối thủy lợi.
- Đại tu làm mới đường sắt.